



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
MÃ CHỨNG KHOÁN: DPM

BẢN TIN NHÀ ĐẦU TƯ

QUÝ 4/2025

Thông tin cơ bản cổ phiếu (31.12.2025):

- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 679.925.021
- Giá cổ phiếu đóng cửa (31/12/2025): 22.250 đồng
- Vốn hóa thị trường (31/12/2025): 15.128.332 tỷ đồng
- Cổ tức tiền mặt năm 2025: 1.200 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông chủ chốt (31/12/2025):

- PetroVietnam: 59,59%
- Nhóm cổ đông VTNN Nghệ An: 6%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 8.54%
- Khác: 25.87%

I. THÔNG điệp gửi NHÀ ĐẦU TƯ

Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo – Phú Mỹ, mã CK: DPM) công bố kết quả hoạt động năm 2025 với nhiều điểm sáng, ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng ở các chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh và tài chính. Tổng công ty tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu thị phần urê, đồng thời đạt những bước tiến quan trọng trong chiến lược mở rộng sang lĩnh vực hóa chất và năng lượng xanh.

Trong năm 2025, thị trường phân bón quốc tế tiếp tục xu hướng phục hồi cả về nhu cầu lẫn giá bán. Tổng nhu cầu phân bón toàn cầu (quy đổi theo N) năm 2025 ước tăng khoảng 2% so với năm 2024; trong đó nhóm đạm (N – đại diện cho urê) ước tăng khoảng 1,8%. Ngân hàng Thế giới dự báo chỉ số giá phân bón tăng khoảng 7% trong năm 2025 so với năm 2024.

Ở thị trường trong nước, giá bán và xuất khẩu nông sản duy trì đà phục hồi. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2025 ước đạt 70 tỷ USD, tăng khoảng 12,5% so với năm 2024, qua đó hỗ trợ nhu cầu sử dụng các yếu tố đầu vào (trong đó có phân bón). Nhu cầu phân bón nội địa ước tăng khoảng 4–5%; giá bán sản phẩm phân bón năm 2025 ước tăng khoảng 5–7% so với năm trước. Bên cạnh đó, chính sách thuế VAT có hiệu lực từ 01/7/2025 (phân bón chịu VAT 5% và doanh nghiệp được khấu trừ VAT đầu vào) giúp các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước giảm chi phí, qua đó cải thiện hiệu quả hoạt động.

Tuy nhiên, bên cạnh các yếu tố thuận lợi, căng thẳng địa chính trị vẫn kéo dài; chính sách thương mại và tiền tệ tiếp tục tiềm ẩn nhiều bất ổn; cùng với tần suất thiên tai ngày càng gia tăng, tạo ra rủi ro đối với an ninh lương thực và an ninh năng lượng trên phạm vi toàn cầu. Các

tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 có thể chậm lại, đạt khoảng 3% so với mức 4,2% của năm 2025.

Đối với PVFCCo, năm 2025 là năm Tổng công ty cơ bản hoàn tất tái cơ cấu mô hình tổ chức, định hình lại tầm nhìn chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững 5 năm cho giai đoạn 2026–2030. Tổng công ty sẵn sàng bước vào giai đoạn tăng tốc, mở rộng quy mô hoạt động nhằm củng cố vị thế dẫn đầu thị trường phân bón trong nước và từng bước phát triển chuỗi giá trị hóa chất – hóa dầu, nâng dần tỷ trọng doanh thu mảng hóa chất, hướng tới mục tiêu doanh thu thường niên 1 tỷ USD.

Để hiện thực hóa mục tiêu và tầm nhìn đã đề ra, Tổng công ty ghi nhận khởi đầu tích cực trong năm 2025, đạt nhiều tiến bộ trong công tác quản trị – điều hành và tối ưu hiệu quả hoạt động. Theo đó, doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đều vượt kế hoạch; mức tăng trưởng lần lượt đạt 23% và 98% so với năm 2024.

Về quản trị doanh nghiệp, trong năm 2025 Ban lãnh đạo Tổng công ty đã chỉ đạo hoàn thiện việc xây dựng và ban hành hệ thống Quản trị rủi ro trong toàn hệ thống nhằm tăng cường tính linh hoạt và chủ động trong bối cảnh thị trường đang tiếp tục trải qua nhiều biến động. Năm 2025 cũng là năm ghi dấu mốc khi Tổng công ty ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2050 cùng với việc ra mắt Báo cáo phát triển bền vững độc lập lần đầu theo chuẩn mực quốc tế. Hội đồng Quản trị đã phê duyệt danh mục dự án/sáng kiến phát triển bền vững (PTBV/ESG) cùng các nhóm KPI cho từng trụ cột nhằm đảm bảo tiến trình đạt được các mục tiêu đề ra. Các tiêu chí ESG sẽ được tích hợp với chiến lược giảm phát thải khí nhà kính và chiến lược phát triển tổng thể của Tổng công ty cho giai đoạn tiếp theo, đi cùng với việc đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư, M&A dựa trên công nghệ sạch, chuyển đổi xanh và giảm phát thải CO₂.

Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, PVFCCo tiếp tục ưu tiên việc tối ưu hóa hiệu suất vận hành các nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất, mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại và ra mắt các dòng sản phẩm mới như DEF – Phú Mỹ Xanh và DAP Phú Mỹ. Đồng thời, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là chuẩn bị cho đợt bảo dưỡng tổng thể Nhà máy Đạm Phú Mỹ, kế hoạch kéo dài trong 38 ngày (từ 22/12/2025 đến 30/01/2026).

Trong năm 2025, Tổng công ty đã tập trung nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư, hoàn thiện nghiên cứu khả thi dự án H₂O₂, chuẩn bị đầu tư dự án DEF, bồn chứa Acid H₃PO₄, dự án off-gas. Đồng thời, trong tháng 11/2025, Tổng công ty đã ký Biên bản ghi nhớ với Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn để phát triển các dự án đầu tư hóa chất tại Nghi Sơn – Thanh Hóa. Đây là bước đi chiến lược nhằm mở rộng chuỗi giá trị sang các sản phẩm hóa chất xanh dựa trên công nghệ bền vững.

Một số chỉ tiêu nổi bật về kết quả hoạt động năm 2025:

- Sản lượng bán hàng hoàn thành vượt mức kế hoạch, ước đạt 1,48 triệu tấn phân bón và hóa chất các loại, tăng 4% so với năm 2024. Trong bối cảnh giá khí nguyên liệu đầu vào giảm nhẹ 5% so với năm trước, biên lợi nhuận gộp được cải thiện, ước đạt 18% so với mức 14% của năm 2024.
- Giá bán trung bình các sản phẩm chủ lực là Urea Phú Mỹ tăng 13% và NH₃ tăng 5% so với năm 2024. Việc giá bán vẫn giữ ở mức cao trong bối cảnh giá nguyên

liệu đầu vào và sản lượng tăng cao đã hỗ trợ lợi nhuận ròng tăng mạnh khoảng 67% so với năm 2024, hoàn thành 290% kế hoạch năm.

- Về hoạt động sản xuất, Nhà máy Đạm Phú Mỹ đạt sản lượng 889 nghìn tấn Urea, tương đương năm 2024, hoàn thành 114% kế hoạch; NH₃ sản xuất thương mại đạt 57,4 nghìn tấn, giảm 18% so với 2024 và NPK đạt 206 nghìn tấn, tăng 55% so với năm 2024, đạt 125% kế hoạch.
- Đối với mảng hóa chất, sản lượng kinh doanh năm 2025 ước đạt 129,7 nghìn tấn, giảm 2% so với sản lượng năm 2024. Do giá bán các loại hóa chất trong năm 2025 cải thiện so với năm 2024 nên doanh thu mảng hóa chất ước tăng 11% so với cùng kỳ, đạt 977 tỷ đồng, chiếm 6% tổng doanh thu bán hàng năm 2025. Lợi nhuận mảng hóa chất ước đạt 33 tỷ đồng (tăng 28% so với năm 2024), chiếm 3% tổng lợi nhuận trước thuế.

Các chỉ tiêu tài chính ước thực hiện 2025 (Số liệu trước kiểm toán)

- Tổng doanh thu: đạt 17.075 tỷ đồng, hoàn thành 133% kế hoạch năm, tăng 23% so với năm 2024.
- Lợi nhuận gộp: đạt 2.939 tỷ đồng, tăng 55% so với năm 2024. Biên lợi nhuận gộp đạt 18%, so với mức 14% năm 2024.
- EBITDA: đạt 1.849 tỷ đồng, tăng 55% so với năm trước, biên EBITDA đạt mức 11,2% so với năm trước là 8,2%.
- EBIT: đạt 1.495 tỷ đồng, biên EBIT đạt 9% so với năm 2024 tương ứng là 715 tỷ đồng và 5,3%.
- Lợi nhuận trước thuế: đạt 1.353 tỷ đồng, tăng 102% so với năm 2024.
- Lợi nhuận sau thuế: đạt 1.096 tỷ đồng, tăng 98% so với năm 2024.
- Tiền và tương đương tiền (31.12.2025): 1.168 tỷ đồng.
- Giải ngân đầu tư mua sắm trang thiết bị và đầu tư xây dựng cơ bản: ước đạt 402 tỷ đồng, tương đương 39% kế hoạch năm, tăng 56% so với năm 2024.

Kế hoạch và các chỉ tiêu chính năm 2026

Thách thức:

Trong năm 2026, kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại so với năm 2025. Bối cảnh nền kinh tế thế giới dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với rủi ro về chính sách, bất ổn địa chính trị và lạm phát, được định hình bởi các yếu tố/xu hướng sau:

- Tác động toàn diện từ chính sách thuế quan của Mỹ.
- Căng thẳng địa chính trị có thể sẽ hạ nhiệt. Xu hướng này sẽ tác động tích cực tới giá năng lượng (dự báo giá dầu tiếp tục giảm).
- Trí tuệ nhân tạo (AI) có thể tạo ra các thách thức mới đối với lĩnh vực năng lượng, rủi ro bong bóng đầu tư và thiếu hụt nhân lực trong ngành công nghệ cao.
- Các tiêu chuẩn xanh, quy định về phí phát thải CO₂ và yêu cầu minh bạch chuỗi cung ứng ngày càng khắt khe, đi cùng với xu hướng chuyển dịch năng lượng.
- Rủi ro chính sách tiền tệ, lạm phát.

Ngoài các yếu tố trên, thế giới tiếp tục đối mặt với tình trạng biến đổi khí hậu với tần suất thiên tai ngày càng gia tăng sẽ tiếp tục tác động tiêu cực tới ngành nông nghiệp và ngành phân bón thế giới trong đó có Việt Nam.

Cơ hội:

Luật thuế VAT mới đã chính thức có hiệu lực từ 01/7/2025, theo đó mức thuế đối với các sản phẩm phân bón được điều chỉnh từ không chịu thuế sang mức chịu thuế 5%. Chính sách thuế mới được kỳ vọng sẽ giúp ngành phân bón nội địa cạnh tranh hơn, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tăng trưởng sản lượng tiêu thụ.

Đối với PVFCCo, Tổng công ty và PVGas có khả năng sẽ ký hợp đồng mua bán khí dài hạn để đảm bảo nguồn khí ổn định cho sản xuất, phù hợp với chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030.

Nhận diện và dự báo những thách thức và cơ hội như trên, Ban lãnh đạo và tập thể PVFCCo đặt ra các nhiệm vụ mục tiêu chính cho năm 2026 là:

Về sản xuất: tiếp tục thực hiện cải tiến công nghệ, hợp lý hóa sản xuất để tối ưu công suất vận hành các nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất; tập trung nguồn lực để triển khai bảo dưỡng tổng thể Nhà máy Đạm Phú Mỹ đảm bảo an toàn, chất lượng, tối ưu thời gian bảo dưỡng.

Về kinh doanh: tiếp tục cải tiến mô hình kinh doanh để phù hợp với bối cảnh thị trường, đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, tiếp cận khách hàng và tối ưu hệ thống phân phối để nâng cao hiệu quả kinh doanh, bắt kịp xu thế thị trường; tăng cường liên kết, hợp tác với các đơn vị thành viên PVN để mở rộng thị phần, phát triển thị trường theo hướng bền vững, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ.

Đầu tư phát triển sản phẩm mới: tiếp tục nghiên cứu thử nghiệm để phát triển các sản phẩm phân bón hữu cơ, thân thiện môi trường; thực hiện M&A các dự án phân bón và hóa chất tiềm năng; chuẩn bị nguồn lực để liên doanh cùng đối tác đầu tư các dự án hóa chất lớn.

Tài chính: Nâng cao hiệu quả công tác quản lý vốn bằng tiền để gia tăng doanh thu tài chính, quản lý công nợ, đồng thời tăng cường quản trị, kiểm soát chặt chẽ chi phí quản lý bán hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm duy trì uy tín với cổ đông.

Quản trị phát triển bền vững: Hoàn thiện trình cấp thẩm quyền phê duyệt Chiến lược phát triển PVFCCo giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2050, trong đó tích hợp với các mục tiêu chiến lược PTBV; tập trung đầu tư nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng phát triển nông nghiệp xanh, giảm phát thải khí nhà kính; thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu Data Lakehouse.

Một số chỉ tiêu chính trong năm 2026 như sau:

Sản xuất:

- Urea Phú Mỹ quy đổi: 902.700 tấn
- NPK Phú Mỹ: 180.000 tấn
- UFC85: 10.000 tấn

Kinh doanh:

- Urea Phú Mỹ và các sản phẩm có nguồn gốc từ Urea Phú Mỹ: 833.000 tấn
- NPK Phú Mỹ: 180.000 tấn
- Phân bón thương mại: 310.000 tấn
- Hóa chất sản xuất: 99.500 tấn
- Hóa chất thương mại: 29.600 tấn

Tài chính:

- Tổng doanh thu: 17.600 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 850 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 680 tỷ đồng
- Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 1.164,3 tỷ đồng

(Kế hoạch 2026 được PVFCCo lập trên kịch bản giá dầu thô 70 USD/thùng và giá dầu FO 413 USD/tấn, tương đương giá khí kế hoạch là 9.49 USD/MMBTU – chưa bao gồm thuế VAT)

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG CUỐI NĂM, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025

1. Sản lượng sản xuất:

Urea Phú Mỹ: 6 tháng cuối năm ước đạt 436.035 tấn, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng cả năm đạt 889.208 tấn, hoàn thành 114% kế hoạch năm, tương đương năm 2024.

NPK Phú Mỹ: 6 tháng cuối năm đạt 94.953 tấn, tăng 40% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng cả năm ước đạt 206.488 tấn, hoàn thành 125% kế hoạch năm, tăng 55% so với năm 2024.

UFC85: 6 tháng cuối năm đạt 6.076 tấn, tăng 12% so với cùng kỳ. Sản lượng cả năm ước đạt 12.490 tấn, đạt 104% kế hoạch năm, tăng 8% so với năm 2024.

NH3 sản xuất thương mại: 6 tháng cuối năm đạt 28.638 tấn, giảm 25% so với cùng kỳ. Sản lượng cả năm đạt 57.388 tấn, đạt 113% kế hoạch năm, giảm 18% so với năm 2024.

2. Sản lượng kinh doanh:

2.1 Sản lượng kinh doanh phân bón

Hoạt động kinh doanh năm 2025 của PVFCCo chịu nhiều tác động từ biến động thị trường trong nước và quốc tế (như đã đề cập ở trên). Tuy nhiên, với nỗ lực và sự linh hoạt trong công tác dự báo thị trường, điều hành kinh doanh nên Tổng công ty vẫn gia tăng được sản lượng tiêu thụ, góp phần cải thiện doanh thu và hiệu quả kinh doanh nói chung. Trong năm 2025, PVFCCo đã xuất khẩu khoảng 142 ngàn tấn urea & phân bón khác, đạt 152% so với kế hoạch năm, giảm 13% so với sản lượng xuất khẩu năm 2024.

Kết quả kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất trong 6 tháng cuối năm và ước thực hiện cả năm 2025 cụ thể như sau:

Urea Phú Mỹ: 6 tháng cuối năm đạt 321.277 tấn, giảm 19% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng cả năm đạt 823.502 tấn, vượt 3% kế hoạch năm, giảm 8% so với năm 2024. Về diễn biến giá bán Urea Phú Mỹ, giá bán trung bình năm 2025 tăng 14% so với năm 2024.

NPK Phú Mỹ: 6 tháng cuối năm đạt 60.748 tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng cả năm đạt 185.923 tấn, hoàn thành 106% kế hoạch năm, tăng 26% so với năm 2024.

Kinh doanh phân bón tự doanh: 6 tháng cuối năm đạt 145.474 tấn, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng tiêu thụ cả năm đạt 374.067 tấn, hoàn thành 159% kế hoạch năm, tăng 63% so với năm 2024.

2.2 Sản lượng kinh doanh hóa chất và triển vọng thị trường:

Năm 2025, Nhà máy Đạm Phú Mỹ vận hành ổn định, công tác điều độ và quản lý kỹ thuật hiệu quả, qua đó các sản phẩm hóa chất chủ lực đều hoàn thành và vượt kế hoạch sản xuất năm.

Kết quả này phản ánh hiệu suất vận hành tốt của các dây chuyền sản xuất, khả năng khai thác hiệu quả các dòng sản phẩm hóa chất và là cơ sở thuận lợi để duy trì vận hành an toàn, ổn định trong các năm tiếp theo:

Sản lượng kinh doanh các sản phẩm hóa chất năm 2025 đạt 137.780 tấn, hoàn thành 135% kế hoạch năm, tăng 4% so với năm 2024.

Doanh thu mảng hóa chất đạt 1.071 tỷ đồng, đạt 134% kế hoạch năm, tăng 22% so với năm 2024.

Cụ thể như sau:

NH3: 6 tháng cuối năm đạt 29.624 tấn, giảm 11% so với cùng kỳ. Sản lượng cả năm đạt 60.635 tấn, đạt 121% kế hoạch năm, giảm 7% so với năm 2024.

UFC 85: 6 tháng cuối năm đạt 4.396 tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng cả năm đạt 9.254 tấn, đạt 103% kế hoạch năm, tăng 1% so với năm 2024.

CO2: 6 tháng cuối năm đạt 23.588 tấn, giảm 22% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng cả năm 2025 đạt 49.875 tấn, đạt 139% kế hoạch năm, giảm 12% so với năm 2024.

Hóa chất dầu khí: 6 tháng cuối năm đạt 15.251 tấn. Sản lượng tiêu thụ cả năm đạt 18.016 tấn, đạt 266% KH năm.

Sản lượng kinh doanh DEF trong Quý 4/2025 ước đạt 1.237 tấn, vượt kế hoạch 400 tấn, tương đương 309% kế hoạch, doanh thu đạt khoảng 5,5 tỷ đồng, cao gấp hơn 2,6 lần kế hoạch. Tính cả năm 2025, DEF đạt sản lượng 2.384 tấn, vượt 19% kế hoạch năm, với doanh thu khoảng 10,9 tỷ đồng, tăng hơn 2.100% so với năm 2024, phản ánh sự mở rộng nhanh chóng của thị trường DEF.

Tổng hợp chung, tổng doanh thu mảng hóa chất năm 2025 đạt 1.071 tỷ đồng, vượt 34% kế hoạch năm 2025 và tăng 22% so với mức thực hiện năm 2024. Đây là mức tăng trưởng đáng ghi nhận, phản ánh vai trò ngày càng quan trọng của mảng hóa chất trong cơ cấu doanh thu chung của PVFCCo.

Bước sang năm 2026, PVFCCo xây dựng kế hoạch sản xuất – kinh doanh mảng hóa chất theo hướng chủ động, thận trọng và tập trung hiệu quả trên cơ sở cân đối nguồn lực sản xuất, nhu cầu thị trường và mục tiêu phát triển bền vững.

Về kinh doanh, NH3 tiếp tục được xác định là sản phẩm chiến lược, vừa phục vụ nhu cầu nội địa, vừa xuất khẩu khi điều kiện thị trường thuận lợi. UFC85 và CO₂ được định hướng tiêu thụ ổn định, tập trung vào các khách hàng truyền thống và thị trường có biên lợi nhuận phù hợp. Các sản phẩm H₂O₂, DEF và Hóa chất Dầu khí tiếp tục được phát triển theo hướng chọn lọc, từng bước mở rộng thị trường, quy mô tiêu thụ gắn với hiệu quả kinh tế và khả năng cạnh tranh dài hạn.

Tổng công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu mảng hóa chất năm 2026 đạt khoảng 1.200 tỷ đồng, tương đương 104% so với mức thực hiện năm 2025, phản ánh định hướng tăng trưởng ổn định, bền vững, đóng góp tích cực vào kết quả sản xuất kinh doanh chung của PVFCCo.

Ngoài ra, chính sách trong nước đối với ngành hóa chất có những điều chỉnh quan trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất – kinh doanh các sản phẩm hóa chất của PVFCCo.

Luật Hóa chất (sửa đổi) năm 2025, có hiệu lực từ 01/01/2026, tăng cường yêu cầu về an toàn, quản lý vòng đời hóa chất và chuyển đổi từ công nghệ hiện đại, ảnh hưởng tác động trực tiếp đến các sản phẩm hóa chất cơ bản như NH₃, H₂O₂.

Cùng với đó, Nghị định 119/2025/NĐ-CP về giảm phát thải khí nhà kính yêu cầu kiểm kê và quản lý phát thải, ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động sản xuất các sản phẩm gắn với phát thải như NH₃ và CO₂.

Ngoài ra, việc siết chặt tiêu chuẩn khí thải phương tiện giao thông tiếp tục hỗ trợ nhu cầu DEF, trong khi các quy định về quản lý xuất khẩu và trị giá hải quan đặt ra yêu cầu tuân thủ chặt chẽ hơn đối với hoạt động kinh doanh hóa chất, đòi hỏi doanh nghiệp hóa chất tăng cường tuân thủ và quản trị rủi ro.

Tổng thể, các chuyển động chính sách nội địa đang định hướng ngành hóa chất phát triển theo hướng an toàn, bền vững và thân thiện môi trường, vừa tạo áp lực tuân thủ, vừa mở ra cơ hội nâng cao hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp.

Từ kết quả đạt được và mục tiêu đề ra cho 2026, có thể khẳng định rằng, mảng hóa chất của PVFCCo trong năm 2025 đã đạt được kết quả tích cực, cả về sản lượng, doanh thu và đóng góp vào kết quả kinh doanh chung, trong đó NH₃ tiếp tục giữ vai trò sản phẩm trụ cột. Bước sang năm 2026, với chiến lược rõ ràng, kế hoạch sản xuất – kinh doanh phù hợp với biến động thị trường, PVFCCo dự kiến sẽ tiếp tục khai thác hiệu quả mảng hóa chất, qua đó góp phần quan trọng vào thành công và tăng trưởng bền vững của PVFCCo trong giai đoạn tới.

3. Kết quả kinh doanh và các chỉ số tài chính 6 tháng cuối năm và cả năm 2025:

Tổng doanh thu hợp nhất: 6 tháng cuối năm đạt 7.517 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2024. Tổng doanh thu năm 2025 đạt 17.075 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch năm và tăng 23% so với năm 2024.

Lợi nhuận trước thuế: 6 tháng cuối năm đạt 599 tỷ đồng và cả năm 2025 đạt 1.353 tỷ đồng, tăng 102% so với năm 2024.

Doanh thu và lợi nhuận 2025 đạt kết quả tích cực so với kế hoạch đề ra chủ yếu do giá bán các loại phân bón và hóa chất hồi phục, sản lượng kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất chính đều đạt và vượt kế hoạch.

Các chỉ số tài chính cơ bản năm 2025 (số liệu trước kiểm toán):

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm
I.	Các hệ số về khả năng sinh lợi và thu nhập			
1	Suất sinh lời của vốn chủ sở hữu ROE	4,88%	9,65%	98%
2	Suất sinh lời của tổng tài sản ROA	3,71%	6,38%	72%
3	LNTT/Doanh thu, thu nhập	4,82%	7,93%	64%
II.	Các hệ số về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,54	2,41	-5%
2	Hệ số thanh toán nhanh	2,21	1,84	-17%
III.	CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
1	Hệ số nợ (Tổng nợ/Tổng tài sản)	0,32	0,35	8%
2	Hệ số nợ vốn chủ (Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu)	0,48	0,54	13%

Các chỉ tiêu ROE & ROA đều được cải thiện so với năm trước là do lợi nhuận sau thuế tăng 98% so với cùng kỳ (tăng 541 tỷ đồng) đã kéo theo các chỉ tiêu tài chính tăng so với cùng kỳ. Tổng tài sản: Thời điểm 31/12/2025 là 17.777 tỷ đồng, tăng 7% so với đầu năm. Nợ ngắn hạn: Thời điểm 31/12/2025 là 6.028 tỷ đồng, tăng 16% so với đầu năm. Nợ dài hạn: Thời điểm 31/12/2025 là 215 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025 là 11.533 tỷ đồng, tăng 3% so với đầu năm. Giải ngân đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị: ước đạt 402 tỷ đồng, hoàn thành 39% kế hoạch năm, tăng 56% so với năm 2024.

III. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025:

1. Thị trường trong nước:

Sản xuất phân bón trong nước

Trong 6 tháng cuối năm 2025, hoạt động sản xuất phân bón trong nước nhìn chung duy trì ổn định, qua đó giữ nguồn cung ở mức dồi dào cho thị trường. Riêng với NPK, sản lượng nội địa duy trì cao trong Quý 4/2025 khiến tồn kho tăng nhanh, phản ánh nhịp sản xuất cao hơn tốc độ hấp thụ của thị trường trong giai đoạn cuối năm.

Nhập khẩu Urea

Trong nửa cuối năm 2025, nhập khẩu Urea biến động theo mùa vụ và diễn biến giá quốc tế; riêng Quý 4/2025, lượng nhập khẩu có xu hướng giảm về cuối năm. Theo cân đối cung–cầu, nhập khẩu Urea tháng 10–tháng 12/2025 lần lượt ước đạt khoảng 58 nghìn tấn, 65 nghìn tấn và 20 nghìn tấn, tương ứng giảm mạnh vào tháng 12 khi tồn kho thị trường ở mức cao.

Xuất khẩu phân bón

Trong nửa cuối năm 2025, xuất khẩu vẫn là “van điều tiết” quan trọng, đặc biệt với Urea (khí cung trong nước cao hơn nhịp tiêu thụ nội địa ở các giai đoạn thấp điểm). Theo cân đối cung – cầu Urea, xuất khẩu chính ngạch giai đoạn 10–12/2025 lần lượt khoảng 20 – 22 – 40 nghìn tấn.

Tính chung 10 tháng năm 2025, Việt Nam xuất khẩu gần 1,77 triệu tấn phân bón, trị giá khoảng 747,45 triệu USD, với giá xuất khẩu bình quân ~423 USD/tấn; tăng 22,6% về lượng, tăng 26,6% về kim ngạch và tăng 3,2% về giá so với cùng kỳ 10 tháng năm 2024. Trong cơ cấu thị trường, Campuchia tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất; riêng 6 tháng đầu năm 2025, lượng xuất khẩu sang Campuchia đạt 379.120 tấn, trị giá 144,31 triệu USD, tương ứng 33,9% về lượng và 32,1% về trị giá của tổng xuất khẩu phân bón cả nước trong kỳ.

Theo Agrimonitor, xuất khẩu phân bón năm 2025 ước đạt khoảng 1,9 triệu tấn, kim ngạch ước đạt khoảng ~0,8–0,90 tỷ USD.

Diễn biến cung cầu trong nước 6 tháng cuối năm 2025

Tổng nguồn cung Urea trong 6 tháng cuối năm 2025 (tháng 7 – tháng 12/2025) ước đạt khoảng 1,60 triệu tấn, trong đó sản lượng sản xuất khoảng 1,22 triệu tấn và nhập khẩu khoảng 384 nghìn tấn. Ở chiều cầu, tiêu thụ nội địa (gồm tiêu thụ cho cây trồng và nhu cầu làm nguyên liệu sản xuất) có xu hướng tăng dần về cuối năm; riêng tháng 12/2025, nhu cầu cho cây trồng tăng mạnh nhằm phục vụ vụ Đông Xuân.

Trong bối cảnh nguồn cung duy trì cao hơn nhu cầu, thị trường ghi nhận trạng thái cung lớn hơn cầu, kéo tồn kho Urea tăng mạnh trong nửa cuối năm. Cụ thể, tồn kho tăng từ khoảng 313 nghìn tấn đầu tháng 7 lên khoảng 718 nghìn tấn vào cuối tháng 12/2025, phản ánh áp lực dư cung tích lũy trong hệ thống.

Riêng Quý 4/2025 (từ tháng 10 – tháng 12/2025), tồn kho tiếp tục tăng thêm khoảng 196 nghìn tấn, cho thấy nguồn hàng dồi dào trong khi cầu chưa đạt mức cao ngay từ đầu quý. Theo đó, tồn kho đầu tháng 10/2025 khoảng 522 nghìn tấn và tăng lên khoảng 718 nghìn tấn vào cuối tháng 12/2025.

Diễn biến giá Urea

Giá Urea trong Quý 3/2025 nhìn chung chịu áp lực giảm/đi ngang theo xu hướng mềm do sức mua nội địa chậm, trong bối cảnh lượng hàng trên thị trường gia tăng. Cân đối cung–cầu cho thấy tồn kho tăng liên tục từ khoảng 313 nghìn tấn đầu tháng 7 lên 522 nghìn tấn cuối tháng 9/2025, phản ánh trạng thái dư cung tương đối trong quý.

Sang Quý 4/2025, thị trường bước vào giai đoạn “xử lý tồn kho”, khiến giá biến động theo nhịp cung–cầu và tiến độ mùa vụ. Trong tháng 11–đầu tháng 12/2025, giá Urea chịu xu hướng điều chỉnh giảm khi tồn kho cuối tháng 12 ở mức cao (vượt 700 nghìn tấn) và vụ lúa Đông Xuân bị đẩy lùi, làm cầu bón chậm; các nhà nhập khẩu đã giảm giá để giải phóng hàng tồn nhưng sức mua yếu khiến thị trường trầm lắng, tạo áp lực kìm lên người bán.

Đến giữa tới cuối tháng 12/2025, xu hướng giá giảm và ổn định hơn khi hoạt động nhập khẩu hạn chế, trong khi nhu cầu vụ Đông Xuân bắt đầu tăng dần ở các vùng trọng điểm.

Dự báo xu hướng:

Trong nửa đầu năm 2026, mặt bằng giá Urea quốc tế theo kỳ hạn được dự báo tăng trong tháng 1 và tháng 2/2026, sau đó giảm dần tới tháng 5/2026. Diễn biến này hàm ý thị trường thế giới có thể bước vào nhịp hồi phục ngắn hạn đầu năm nhờ nhu cầu theo mùa, trước khi quay lại trạng thái điều chỉnh khi nguồn cung và giao dịch trở nên thuận lợi hơn.

Tại thị trường trong nước, diễn biến giá và giao dịch Urea nhiều khả năng chịu chi phối bởi: (i) nhịp cầu vụ Đông Xuân tập trung trong Quý 1; (ii) mức tồn kho hệ thống đang ở nền cao; và (iii) chênh lệch giá nội địa so với giá nhập khẩu/giá khu vực. Với tồn kho Urea cuối năm 2025 ở mức cao, thị trường được dự báo sẽ ưu tiên “hấp thụ hàng tồn” trong giai đoạn đầu năm, do đó xu hướng phục hồi (nếu có) nhiều khả năng diễn ra theo hướng tăng thận trọng, khó hình thành “sóng tăng” bền vững nếu tồn kho chưa giảm đáng kể.

Thị trường DAP Việt Nam

Trong Quý 4/2025, thị trường DAP trong nước chịu tác động đồng thời từ tốc độ giao dịch nội địa và diễn biến giá thế giới. Về phía quốc tế, dù xu hướng điều chỉnh giảm của DAP/MAP đang hình thành, nguồn cung Phosphate được dự báo vẫn hạn chế, khiến mặt bằng giá duy trì ở mức cao; đồng thời giá lưu huỳnh tăng làm giảm động lực giảm giá của các nhà cung cấp. Bên cạnh đó, trong quý này, giá axit phosphoric tăng mạnh vượt kỳ vọng do tác động từ giá lưu huỳnh, dù được kỳ vọng sẽ điều chỉnh giảm trong quý tới cùng nhịp hạ nhiệt của DAP/MAP.

Ở góc độ nguồn hàng về Việt Nam, thị trường ghi nhận thông tin các chuyến tàu DAP cập cảng trong giai đoạn 10–12/2025, trong đó đáng chú ý có lô khoảng 40.600 tấn DAP Nga dự kiến cập cảng ngày 25/12/2025.

Dự báo: Bước sang đầu 2026, giá Phosphate được dự báo giảm nhanh hơn, có thể tiếp tục giảm trong Q1/2026 và có khả năng tăng trở lại vào cuối Quý 1 khi yếu tố khan hiếm nguồn cung quay lại chi phối. Trong kịch bản các biện pháp siết xuất khẩu của Trung Quốc duy trì, mặt bằng giá DAP/MAP nhìn chung vẫn có thể neo ở mức cao so với lịch sử, dù biến động ngắn hạn sẽ phụ thuộc nhịp mua bổ sung của thị trường và tiến độ hàng về.

Thị trường Kali Việt Nam

Trong 6 tháng cuối năm 2025, cán cân cung – cầu Kali trong nước nhìn chung ổn định hơn so với Urea, thể hiện qua việc tồn kho duy trì ở mặt bằng cao nhưng biến động không lớn. Cụ thể, tồn kho đầu kỳ dao động quanh 595–670 nghìn tấn và đến cuối tháng 12/2025 vẫn khoảng 596 nghìn tấn, cho thấy thị trường chủ yếu cân bằng tồn kho thay vì thiếu hụt nguồn hàng.

Riêng Quý 4/2025, nhập khẩu Kali biến động mạnh theo tháng: tháng 10/2025 đạt khoảng 111 nghìn tấn, sang tháng 11/2025 giảm sâu còn khoảng 20 nghìn tấn (giảm 91 nghìn tấn, -82% so với tháng 10), sau đó tháng 12/2025 phục hồi lên khoảng 50 nghìn tấn (tăng 30 nghìn tấn, +150% so với tháng 11). Đà phục hồi cuối quý gắn với việc nhu cầu Kali làm nguyên liệu sản xuất NPK tăng trở lại trong tháng 12.

Về giá bán và tác động quốc tế, giá MOP tiêu chuẩn CFR Đông Nam Á trong năm 2025 duy trì ở vùng cao và đi ngang, trong khi đường kỳ hạn 12/2025–5/2026 cho thấy xu hướng giảm nhẹ dần, hàm ý mặt bằng giá nhập khẩu có thể “hạ nhiệt” từ từ và tiếp tục giới hạn biên độ tăng giá trong nước nếu tồn kho vẫn neo cao.

Thị trường NPK trong nước

Trong 6 tháng cuối năm 2025, cân đối cung–cầu NPK cho thấy tồn kho tăng trở lại về cuối năm. Tồn kho đầu kỳ giảm dần từ 744 nghìn tấn (đầu tháng 7/2025) xuống 588 nghìn tấn (đầu tháng 10/2025) rồi tăng mạnh lên 891 nghìn tấn (cuối tháng 12/2025 đầu tháng 1/2026).

Xét theo quý, Quý 4/2025 ghi nhận nhu cầu suy giảm rõ rệt so với Quý 3, trong khi sản xuất vẫn duy trì ở mức cao khiến tồn kho tăng cao:

- Tổng nhu cầu NPK Quý 4/2025 (tiêu thụ nội địa + xuất khẩu) ước đạt ~507 nghìn tấn, giảm khoảng ~481 nghìn tấn (-48,7%) so với Quý 3/2025 ~988 nghìn tấn.
- Tổng nguồn cung Quý 4/2025 (tồn kho đầu kỳ + sản xuất + nhập khẩu) ước ~1,40 triệu tấn, giảm khoảng ~178 nghìn tấn (-11,3%) so với Quý 3/2025 ~1,58 triệu tấn; trong đó sản xuất Quý 4/2025 khoảng ~680 nghìn tấn và nhập khẩu khoảng ~130 nghìn tấn.
- Tồn kho cuối kỳ tăng mạnh từ ~588 nghìn tấn (đầu tháng 10/2025) lên ~891 nghìn tấn (cuối tháng 12/2025), tương ứng tăng ~303 nghìn tấn (+51,5%) do cầu thấp hơn kỳ vọng trong khi nguồn cung duy trì cao.

Điểm nhấn Quý 4/2025: nhu cầu mùa vụ muộn hơn, dồn sang đầu 2026. Trong tháng 12/2025, nhu cầu NPK được ghi nhận thấp hơn dự kiến do mùa mưa kéo dài (Tây Nguyên & Đông Nam

Bộ) và vụ Đông Xuân trễ (miền Trung & ĐBSCL), khiến cao điểm nhu cầu dự báo rơi vào tháng 1/2026 (tăng mạnh lên mức ~350 nghìn tấn).

Dự báo ngắn hạn & xu hướng 2026 (tháng 12/2025–tháng 2/2026): tổng nhu cầu NPK dự báo đạt 920 nghìn tấn, tăng +364 nghìn tấn (+66%) so với 3 tháng trước; trong đó tiêu thụ nội địa 850 nghìn tấn và xuất khẩu 70 nghìn tấn. Ở chiều cung, tổng nguồn cung 3 tháng cũng tăng +244 nghìn tấn (+18%); sản xuất dự báo tăng lên ~670 nghìn tấn, trong khi nhập khẩu giảm về ~130 nghìn tấn.

Tuy nhiên, do tồn kho nền cao khi bước vào 2026 (đầu tháng 1/2026 ở mức ~891 nghìn tấn), thị trường nhiều khả năng phục hồi giao dịch theo mùa vụ nhưng biên độ tăng giá có thể bị “neo” bởi áp lực xả hàng và nhu cầu “hút tồn kho” trước khi hình thành xu hướng tăng bền vững.

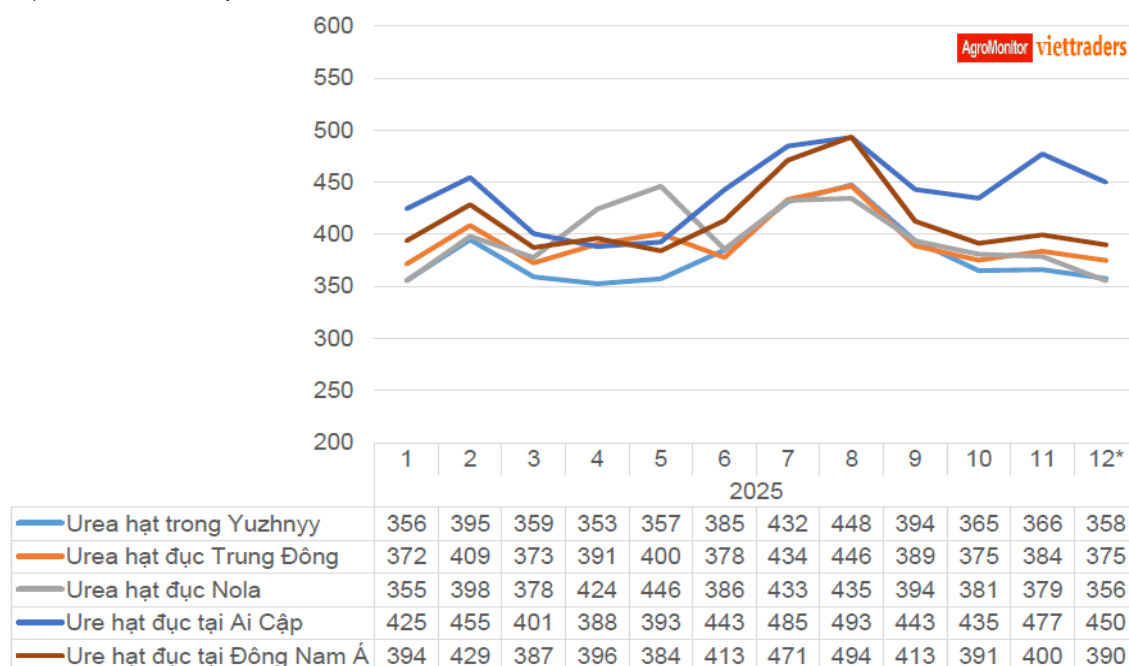
2. Thị trường phân bón quốc tế:

Thị trường Urea thế giới

Thị trường Urea thế giới giai đoạn Quý 3/2025 biến động mạnh và chủ yếu chịu chi phối bởi các đợt đấu thầu của Ấn Độ. Nửa đầu tháng 7, nhu cầu tăng cao khi Ấn Độ và Ethiopia tìm mua tổng cộng hơn 2,2 triệu tấn trong bối cảnh nguồn cung giao ngay tháng 7–8 hạn chế, hỗ trợ giá tăng mạnh và tiệm cận vùng đỉnh ghi nhận trong giai đoạn căng thẳng Israel–Iran tháng 6. Nửa cuối tháng 7, giá nhìn chung ổn định, giao dịch chậm lại do thị trường chờ kết quả phiên thầu Ấn Độ, trong khi bình quân tháng 7 giá tăng 22–67 USD/tấn (5–17%) so với tháng 6. Đầu tháng 8, giá Urea thế giới tăng cao, đặc biệt sau khi Ấn Độ ngày 4/8 chốt mức giá cao 530–532 USD/tấn FOB. Tuy nhiên, sau đó thị trường đảo chiều điều chỉnh giảm do thiếu lực mua ngoài Ấn Độ. Đà giảm trở nên rõ nét vào đầu tháng 9 khi kết quả đấu thầu NFL (đóng ngày 2/9) ghi nhận giá thầu giảm khoảng 68 USD/tấn, xuống còn 462–465 USD/tấn.

Trong Quý 4/2025, thị trường duy trì tâm lý thận trọng và xu hướng giá nhìn chung chịu tác động lớn từ đấu thầu Ấn Độ. Tháng 10, giá bình quân giảm 1–30 USD/tấn/st (1–7%) so với tháng 9; thông tin RCF mở thầu (đóng 15/10, giao trước 10/12) chỉ hỗ trợ giá tăng nhẹ ngắn hạn trước khi thị trường suy yếu lại do giao dịch trầm lắng và thanh khoản thấp. Kết quả thầu RCF với mức L1 395–402 USD/tấn CFR và khối lượng chốt mua chỉ hơn 430 nghìn tấn (thấp hơn đáng kể so với mục tiêu) tiếp tục củng cố tâm lý dè dặt. Sang tháng 11, nhu cầu Châu Âu hỗ trợ giá tại Ai Cập/Algeria đầu tháng, nhưng nhìn chung thị trường tập trung theo dõi thầu IPL (đóng 20/11). Riêng tại châu Mỹ, giao dịch yếu gây áp lực giảm giá, đặc biệt sau khi Hoa Kỳ gỡ bỏ các mức thuế đối ứng với nhập khẩu phân bón Nitơ từ 14/11/2025. Đầu tháng 12, sau khi IPL hoàn tất đấu thầu, tồn kho Ấn Độ trở lại mức bình thường cùng nguồn cung dồi dào từ Nga và Iran làm tăng áp lực giảm giá, mạnh nhất ở phía tây kênh đào Suez do thiếu nhu cầu.

Biểu đồ 1: Giá Urea bình quân tại một số khu vực trên thế giới các tháng trong năm 2024-2025 (USD/tấn FOB)



Nguồn: AgroMonitor (Cập nhật ngày 4/12)

Dự báo xu hướng

Bước sang Quý 1/2026, giá Urea được dự báo phục hồi khi nhu cầu từ Ấn Độ, cùng lực mua cải thiện tại châu Âu và Úc, tạo nền tảng hỗ trợ thị trường; trước khi nhu cầu từ Mỹ tăng trở lại theo chu kỳ.

Thị trường DAP thế giới

Trong Quý 3/2025, thị trường DAP/MAP quốc tế ghi nhận nhịp tăng mạnh trong tháng 7, sau đó chuyển sang xu hướng điều chỉnh trong tháng 8–9. Cụ thể, tháng 7 giá bình quân tăng 28–37 USD/st/tấn (2–5%) so với tháng 6; đến cuối tháng 7/đầu tháng 8, mặt bằng giá cao hơn 142–188 USD/st/tấn (22–31%) so với thời điểm bắt đầu tăng liên tục từ tháng 12/2024. Đà tăng được hỗ trợ bởi nhu cầu cao tại Nam Á (đặc biệt Ấn Độ, Bangladesh) trong giai đoạn cao điểm chăm bón và tại Hoa Kỳ do lo ngại nguồn cung trước vụ thu, trong khi các thị trường khác giao dịch giao ngay chậm do chờ hàng đã mua trước cập cảng. Sang tháng 8–đầu tháng 9, nguồn cung từ Trung Quốc gia tăng và tâm lý thận trọng của người mua trước mức chào cao tạo áp lực giảm, dù bình quân tháng 8 vẫn tăng 2–44 USD/st/tấn tùy thị trường. Tháng 9, giá tại các thị trường nhìn chung giảm thêm 8–24 USD/st/tấn (1–3%) so với tháng 8.

Trong Quý 4/2025, thị trường DAP quốc tế tiếp tục xu hướng điều chỉnh giảm, chủ yếu do nhu cầu suy yếu, khả năng chi trả hạn chế và tồn kho ở mức cao. Giá giảm liên tục từ tháng 10 đến đầu tháng 11. Riêng tháng 10, giá bình quân giảm 11–42 USD/st/tấn (1–6%) so với tháng 9, trong đó Ấn Độ ghi nhận mức giảm lớn nhất khi người mua phần lớn đứng ngoài chờ thông báo trợ cấp vụ Rabi 2025–26. Tại Đông Nam Á, giá DAP Trung Quốc giảm và nguồn tồn kho dồi dào khiến hoạt động mua mới hạn chế, ưu tiên giải phóng hàng tồn. Tại châu Mỹ, xu hướng giảm giá làm tâm lý thị trường kém tích cực, dù nhu cầu được kỳ vọng nhích lên từ cuối tháng

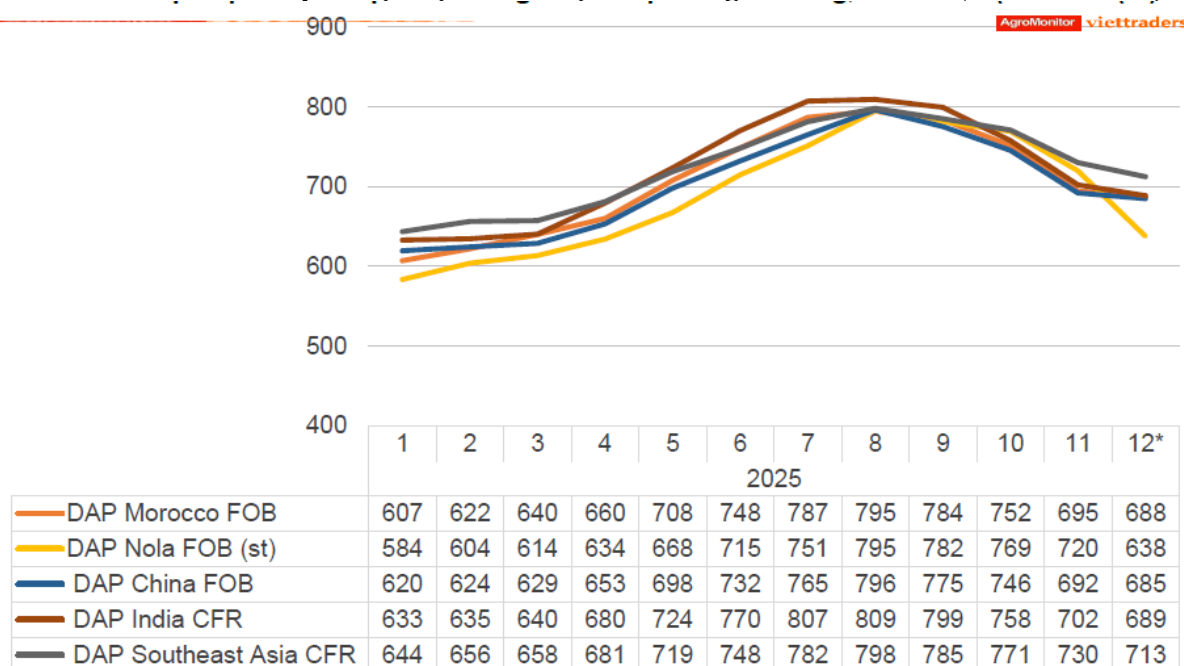
11. So với tháng 9, giá DAP trong tháng 11 tại các khu vực giảm 61–107 USD/st/tấn (8–11%) và đã giảm kéo dài đến giữa tháng 12.

Dự báo xu hướng

Nguồn cung hạn chế nhiều khả năng sẽ duy trì mặt bằng giá Phosphat ở mức cao, dù xu hướng điều chỉnh giảm đang hình thành; ngay cả các mức giá đáy dự kiến trong năm tới cũng vẫn cao hơn so với lịch sử, đặc biệt khi Trung Quốc tiếp tục kéo dài các biện pháp hạn chế xuất khẩu, qua đó củng cố lực đỡ cho thị trường. Đồng thời, giá lưu huỳnh tăng bất thường khiến các nhà cung cấp ít có động lực giảm giá, trong bối cảnh các nhà sản xuất lớn ngoài Trung Quốc vẫn duy trì lợi nhuận tốt nhờ giá sản phẩm ở mức cao.

Ngược lại, giá quặng Phosphat được dự báo giảm nhẹ nhờ nguồn cung dồi dào, làm gia tăng cạnh tranh, đặc biệt ở phân khúc quặng cấp thấp. Trong Quý 4/2025, giá axit phosphoric tăng mạnh vượt kỳ vọng dưới tác động của giá lưu huỳnh, dù nhiều khả năng sẽ điều chỉnh giảm trong quý tới theo xu hướng hạ nhiệt của thị trường DAP/MAP.

Biểu đồ 2: Giá DAP bình quân tại một số khu vực các tháng năm 2024-2025 (USD/tấn FOB)



Nguồn: AgroMonitor (cập nhật đến ngày 5/12)

Thị trường Kali thế giới

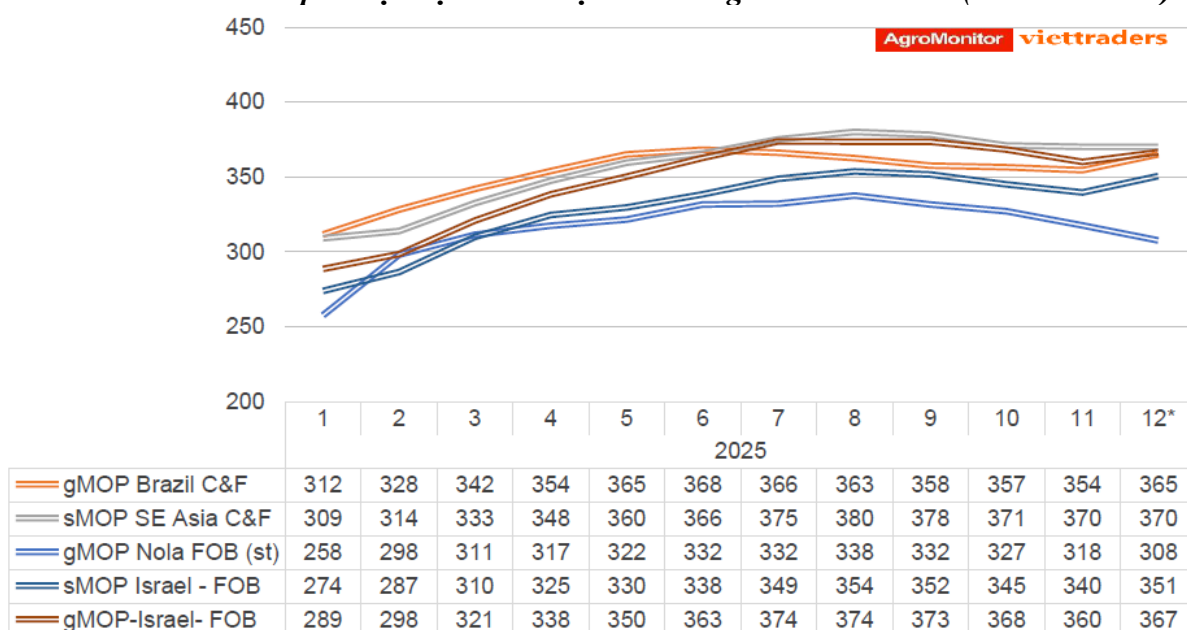
Trong Quý 3/2025, thị trường Kali thế giới nhìn chung ổn định, với tâm điểm nhu cầu tập trung tại châu Á. Trong tháng 7 và đầu tháng 8, các đấu thầu nhập khẩu từ Indonesia, Ấn Độ và Bangladesh diễn ra liên tục; đồng thời, nguồn cung MOP tiêu chuẩn giao ngay hạn chế hỗ trợ giá tăng nhẹ. MOP miểng trầm lắng theo mùa vụ nhưng mặt bằng giá tháng 7 vẫn tương đối vững. Sang tháng 8 và đầu tháng 9, giá Kali dao động trong biên độ hẹp, thị trường chú ý đấu thầu 250 nghìn tấn MOP tiêu chuẩn của Bangladesh, trong khi nhu cầu từ Indonesia và Malaysia chậm lại. Đến tháng 9, Bangladesh phát hành thêm thầu 160 nghìn tấn (đóng 16/9) nhưng tạm ngưng mở hồ sơ đến đầu tháng 10. Nhìn chung, giá tháng 9–đầu tháng 10 duy trì ổn định khi nhà cung cấp ưu tiên thực hiện các hợp đồng đã ký và giữ chào giá.

Trong Quý 4/2025, thị trường Kali thế giới nhìn chung ổn định nhưng có xu hướng giảm nhẹ do tồn kho cao tại các thị trường nhập khẩu lớn, khiến giao dịch và nhu cầu mua mới duy trì ở mức thấp. Tuy nhiên, nhà sản xuất không chịu nhiều áp lực bán khi nhiều nhà cung cấp đã có hợp đồng lớn đến cuối năm và sang đầu 2026, nên chào giá ít điều chỉnh. Bangladesh được cho là hủy thầu mua 160.000 tấn MOP tiêu chuẩn do mức chào thấp nhất 393,7 USD/tấn CFR bị đánh giá quá cao. Indonesia là tâm điểm với các đấu thầu MOP tiêu chuẩn (tổng 180.000 tấn đóng 31/10 và thêm một thầu 50.000 tấn), trong bối cảnh nhà cung cấp giữ chào giá khoảng 395–400 USD/tấn CFR trở lên. Cuối tháng 11, việc UralKali ký hợp đồng 2026 với Trung Quốc ở mức 348 USD/tấn CFR (tăng 2 USD/tấn so với 2025) cải thiện tâm lý, dù áp lực giảm vẫn hiện diện tại châu Âu và Mỹ trong mùa vụ thấp điểm.

Dự báo xu hướng

Giá MOP được dự báo giảm nhẹ vào đầu năm 2026, tuy nhiên biên độ điều chỉnh dự kiến ở mức hạn chế.

Biểu đồ 3: Giá Kali bình quân tại một số khu vực các tháng năm 2024-2025 (USD/tấn FOB)



Nguồn: AgroMonitor (Cập nhật đến ngày 4/12/2025)

Thị trường NPK thế giới

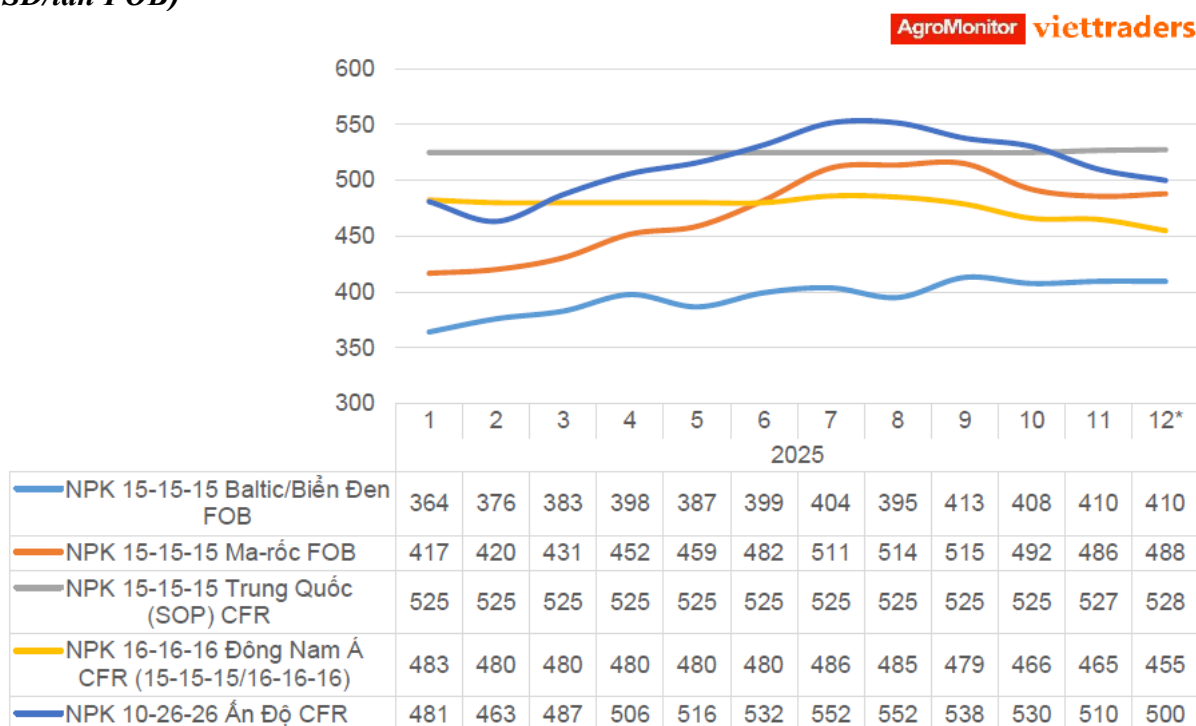
Trong Quý 3/2025, thị trường NP/NPK/NPS ghi nhận biến động do nguồn cung thắt chặt từ Trung Quốc và nhu cầu theo mùa tại nhiều khu vực ở mức thấp. Tháng 7, đa phần nhà sản xuất Trung Quốc tạm ngưng chào giá sau thông tin Trung Quốc tạm dừng kiểm tra hải quan với hàng đóng bao dưới 10kg đến tháng 4/2026, khiến giá xuất khẩu tăng 8–20 USD/tấn so với tháng 6. Trước sự thiếu hụt nguồn hàng từ Trung Quốc, Ấn Độ mở rộng tìm nguồn thay thế từ Indonesia, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ..., làm giá nhập khẩu tăng 20–28 USD/tấn. Trong khi đó, khu vực Đông Nam Á và châu Âu, giá NPK 15-15-15 tăng 6–25 USD/Euro/tấn nhưng giao dịch vẫn hạn chế. Sang tháng 8, hoạt động mua bán trầm lắng do nguồn cung sẵn có không dồi dào và nhu cầu yếu, giá xuất khẩu một số công thức từ Trung Quốc tăng thêm 1–35 USD/tấn. Đầu tháng 9, Ấn Độ mua 270 nghìn tấn NPK Nga 10-26-26, song trong tháng 9 giá tại Ấn Độ, Đông Nam Á và châu Âu đã điều chỉnh giảm.

Trong Quý 4/2025, giá NPK tại các thị trường nhập khẩu chính tiếp tục xu hướng giảm từ tháng 9, trong khi giá xuất khẩu từ Trung Quốc tăng do nguồn cung hạn chế. Tháng 10, giá tại Ấn Độ giảm 7–14 USD/tấn theo các giao dịch/đầu thầu mới; tại Đông Nam Á và châu Âu giảm 10–17 USD/Euro/tấn do trái vụ và khả năng chi trả thấp. Ngược lại, giá xuất khẩu NPK 16-20-0 của Trung Quốc tăng 15 USD/tấn khi phần lớn nhà cung cấp tạm ngưng chào giá do cạn hàng. Sang tháng 11, giá tại Ấn Độ giảm thêm 20–24 USD/tấn theo các lô mua từ Indonesia và Nga; Đông Nam Á giảm nhẹ do tồn kho dồi dào và trễ vụ. Ở phía cung, giá xuất khẩu NPK Trung Quốc tăng nhẹ 0,5 USD/tấn nhưng giao dịch hạn chế, trong khi một số nhà sản xuất Nga giảm chào giá một số công thức để thu hút giao dịch.

Dự báo xu hướng

Dự báo, phần lớn thị trường sẽ trầm lắng vào cuối năm 2025 do yếu tố trái vụ, khiến giá NPK khó có khả năng phục hồi rõ rệt. Tuy nhiên, lo ngại về việc CBAM sắp được áp dụng tại châu Âu, cùng mặt bằng giá lưu huỳnh và ammonia duy trì ở mức cao, có thể hỗ trợ một phần cho giá NPK.

Biểu đồ 4: Giá NPK tại một số khu vực trên thế giới bình quân theo tháng năm 2024-2025 (USD/tấn FOB)



Nguồn: AgroMonitor (tháng 12/2025: cập nhật đến ngày 4/12)

IV. TIN VĂN

1. Tin hoạt động sản xuất kinh doanh, quan hệ nhà đầu tư:

Tin trả cổ tức

Trong tháng 7/2025, PVFCCo – Phú Mỹ đã chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% (VND 1.500 đồng/cổ phiếu). Theo đó, Tổng công ty đã thực hiện thanh toán 586,5 tỷ đồng tiền cổ tức tới các cổ đông vào ngày 3/9/2025.

PVFCCo hoàn tất phát hành cổ phiếu thưởng, tăng vốn điều lệ

Trong tháng 9/2025, PVFCCo đã hoàn tất việc phát hành 288,6 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 73,7 để tăng vốn điều lệ sau phát hành lên 6.800 tỷ đồng (680 triệu cổ phiếu).

PVFCCo hoàn thành bảo dưỡng tổng thể Nhà máy Đạm Phú Mỹ

Ngày 24/01/2026, Nhà máy đạm Phú Mỹ đã kết thúc thành công đợt bảo dưỡng tổng thể và hoạt động trở lại vào, sớm hơn 4 ngày so với kế hoạch.

Đây là kỳ bảo dưỡng có quy mô và mức độ phức tạp lớn nhất từ trước đến nay, với hơn 5.500 hạng mục công việc, huy động trên 1.700 kỹ sư, chuyên gia, người lao động, nhà thầu trong và ngoài nước. Bên cạnh các hạng mục bảo dưỡng định kỳ, Nhà máy đồng thời lắp đặt, kết nối, tích hợp gần 20 hạng mục kỹ thuật quan trọng, nhiều hạng mục lần đầu thực hiện sau hơn 20 năm vận hành, nhằm nâng cao độ tin cậy thiết bị, tối ưu hiệu suất và chuẩn bị cho các dự án phát triển trong giai đoạn tới.

PVFCCo công bố Báo cáo phát triển bền vững độc lập lần đầu theo tiêu chuẩn quốc tế, công bố tuyên ngôn định hướng chiến lược PTBV giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2050.

Trong Quý 4/2025, Tổng công ty đã ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2050 và Báo cáo phát triển bền vững lần đầu theo chuẩn quốc tế và thực hiện công bố thông tin tới các bên liên quan.

Nội dung Tuyên ngôn định hướng chiến lược Phát triển bền vững và Báo cáo Phát triển bền vững độc lập được đăng tải tại website: <https://dpm.vn/phat-trien-ben-vung>

Ra mắt sản phẩm DEF – Phú Mỹ xanh, DAP Phú Mỹ, Hữu cơ Phú Mỹ Organic

Sản phẩm DEF - Phú Mỹ Xanh chính thức được đưa ra thị trường vào tháng 6/2025, đóng gói trong các can/bình 10 - 20 lít hoặc bơm từ các trụ bơm chuyên dụng DEF - Phú Mỹ Xanh, sử dụng bằng cách đổ trực tiếp vào bình chứa dung dịch DEF trang bị trên xe, với lượng sử dụng trung bình 800km/lít. Sản phẩm có thời hạn sử dụng tối thiểu 12 tháng, giá bán cạnh tranh, phù hợp với điều kiện vận hành thực tế của doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam.

Trong tháng 6/2025, PVFCCo - Phú Mỹ đã ký hợp tác với Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) để phân phối sản phẩm DEF - Phú Mỹ Xanh tại hệ thống cửa hàng xăng dầu của PVOIL trên toàn quốc.

Ngày 5/12/2025, PVFCCo - Phú Mỹ chính thức đưa ra thị trường sản phẩm DAP Phú Mỹ, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong chiến lược mở rộng danh mục phân bón chất lượng cao và chủ động nguồn cung phục vụ nông nghiệp Việt Nam.

Một trong những ưu điểm vượt trội và khác biệt nhất của DAP Phú Mỹ là hàm lượng kim loại nặng Cadimi (Cd) được kiểm soát ở mức rất thấp. Theo kết quả phân tích của lô sản xuất đầu tiên thì hàm lượng Cd đạt khoảng 0,25ppm, tức thấp hơn 50 lần so với quy chuẩn Việt Nam. Sản phẩm giúp bảo vệ sức khỏe đất, hạn chế tồn dư kim loại nặng, góp phần tạo ra nông sản an toàn và đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu khắt khe, phù hợp xu hướng nông nghiệp bền vững toàn cầu. Dự kiến, TCT sẽ đưa ra thị trường khoảng 3.500 tấn DAP Phú Mỹ từ tháng 12/2025, ưu tiên cung ứng cho khu vực miền Nam và miền Trung - Tây Nguyên.

Ngày 29/7/2025, PVFCCo – Phú Mỹ chính thức giới thiệu dòng sản phẩm Hữu cơ Phú Mỹ Organic. Sản phẩm Hữu cơ Phú Mỹ Organic 60 đã có mặt trên thị trường vào Quý 2/2025, các sản phẩm còn lại với hàm lượng hữu cơ từ 65 OM đến 80 OM sẽ tiếp tục xuất hiện trong thời gian tới, đánh dấu bước phát triển chiến lược trong hành trình xây dựng một nền nông nghiệp bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường.

Phân bón Hữu cơ Phú Mỹ Organic được sản xuất hoàn toàn từ phân gà lên men theo công nghệ Nhật Bản tiên tiến, chứa đến 60% -80% hàm lượng hữu cơ cùng tỷ lệ dinh dưỡng cân đối (3% đạm, 2% lân, 2% kali). Đặc biệt, sản phẩm có hàm lượng cadimi cực thấp, an toàn tuyệt đối cho cây trồng và thân thiện với môi trường. Với quy cách đóng gói tiện lợi 15kg, Hữu cơ Phú Mỹ giúp người nông dân dễ dàng vận chuyển và sử dụng hiệu quả trên mọi điều kiện canh tác.

Trước đó, TCT đã giới thiệu đến thị trường sản phẩm NPK Phú Mỹ 15-15-15+5S+TE SOP, một giải pháp dinh dưỡng tiên tiến, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững ngành nông nghiệp Việt Nam. Sản phẩm sử dụng hoàn toàn Kali Sulphate cao cấp (Kali trắng - SOP), không chứa clo, rất phù hợp với những cây trồng nhạy cảm với clo như sầu riêng, giúp tăng cường hấp thu dinh dưỡng, nâng cao chất lượng nông sản và ngăn ngừa hiệu quả tình trạng sượng trái.

Ký MoU với Lọc hóa dầu Nghi Sơn để tăng cường hợp tác đầu tư các dự án hóa chất

Ngày 15/11/2025 tại Kuwait, PVFCCo-Phú Mỹ và Công ty trách nhiệm hữu hạn Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP) đã ký kết thỏa thuận hợp tác (MoU), đánh dấu bước hợp tác chiến lược trong phát triển các dự án hóa chất và hóa dầu. Theo đó, hai bên sẽ phối hợp nghiên cứu các cơ hội hợp tác đầu tư theo mô hình hợp đồng hợp tác kinh doanh trong một số dự án tiềm năng (axit sunfuric, ammonia, carbon black...). Đồng thời, hai bên cũng thống nhất chia sẻ dữ liệu thị trường, cập nhật nghiên cứu khả thi và nghiên cứu phát triển hạ tầng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường phối hợp về vận hành, bảo trì nhằm nâng cao hiệu quả và độ an toàn của nhà máy.

Ra mắt công nghệ VR360 – tham quan Nhà máy Đạm Phú Mỹ trực tuyến

Ngày 18/11/2025, PVFCCo – Phú Mỹ chính thức ra mắt nền tảng Tham quan tổ hợp Nhà máy Phú Mỹ trực tuyến bằng công nghệ VR360 tại địa chỉ <https://vr360.dpm.vn>. Đây là công cụ cho phép khách hàng, đối tác và bà con nông dân trên cả nước dễ dàng khám phá một trong những nhà máy sản xuất phân bón hiện đại hàng đầu Việt Nam theo cách trực quan, sinh động và thuận tiện nhất ngay từ thiết bị cá nhân.

PVFCCo – Phú Mỹ tăng tốc ứng dụng AI vào vận hành, chuẩn bị cho giai đoạn bút phá sau DBI 3.0

Thời gian quan, nhằm tăng tốc chuyển đổi số và hình thành năng lực làm việc với AI trong toàn hệ thống, PVFCCo – Phú Mỹ đã triển khai chương trình đào tạo AI chuyên sâu theo từng nghiệp vụ, với sự tham gia toàn thể các phòng ban tại TCT và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Khác với đào tạo kỹ năng thông thường, chương trình hướng tới thay đổi tư duy, chuẩn hóa quy trình và đưa AI vào các tác vụ thực tế ngay trong từng khối nghiệp vụ.

Chuỗi đào tạo đã góp phần định hình năng lực khai thác AI chủ động, có phương pháp, gắn trực tiếp với mục tiêu tối ưu quy trình và tăng tốc vận hành. Đây cũng là bước chuẩn bị quan

trọng để Phú Mỹ tiến vào giai đoạn triển khai Agentic AI và tự động hóa end-to-end trong năm 2026- 2030.

Với nền tảng đã xây dựng, Phú Mỹ đang sở hữu tiền đề mạnh mẽ để đưa AI trở thành năng lực vận hành cốt lõi trong doanh nghiệp hóa chất -phân bón. Các bài thực hành tại từng ban đã mở ra khả năng chuẩn hóa quy trình, tăng tốc phân tích thông tin, nâng cao minh bạch và cải thiện chất lượng ra quyết định. Từ nền tảng này, Phú Mỹ đã sẵn sàng mở rộng từ “ứng dụng AI theo tác vụ” sang “thiết kế quy trình AI-first”, tiến tới vận hành thông minh, chính xác và hiệu quả hơn trong những năm tới.

Ra mắt ứng dụng “Phú Mỹ”: Gia tăng tương tác và trải nghiệm cho bà con nông dân

Ngày 15/8/2025, PVFCCo – Phú Mỹ chính thức ra mắt giai đoạn 1 của ứng dụng “Phú Mỹ” – ứng dụng khách hàng thân thiết dành riêng cho người sử dụng sản phẩm phân bón Phú Mỹ, đánh dấu bước tiến quan trọng trong chuyển đổi số dịch vụ, trải nghiệm khách hàng, đặc biệt là bà con nông dân, hiện thực cam kết “lấy khách hàng làm trọng tâm”, gắn kết bền vững giữa Phú Mỹ và mang lại nhiều đặc quyền thiết thực đến bà con nông dân, nhà phân phối và cộng đồng người dùng trên toàn quốc.

Ứng dụng (app) Phú Mỹ được xây dựng và hoạt động trên các nền tảng iOS, Android và web-app, cho phép người dùng tích điểm – đổi quà – nhận ưu đãi – chăm sóc hội viên, tiếp nhận và tương tác các thông tin về chăm sóc cây trồng, phòng trừ dịch hại, các điểm mua bán hàng, các sự kiện nổi bật của Phú Mỹ, cách sử dụng phân bón Phú Mỹ... một cách trực tuyến, thuận tiện, hiện đại, nhanh chóng và cá nhân hóa.

Trải nghiệm App Phú Mỹ tại:

Đối với iOS: <https://apps.apple.com/vn/app/ph%C3%BA-m%E1%BB%B9/id6746640850>

Đối với Android: https://play.google.com/store/apps/details?id=com.dpm.loyalty_mobile

PVFCCo nhận các giải thưởng uy tín về quản trị và phát triển bền vững

Top50 DNNY tốt nhất năm 2025

PVFCCo – Phú Mỹ tiếp tục được Forbes Việt Nam bình chọn trong Top50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2025 và cũng là thương hiệu phân bón duy nhất được bình chọn trong Top25 Thương hiệu dẫn đầu ngành công nghiệp sản xuất và dịch vụ.

Trong ngành phân bón và hóa chất, PVFCCo – Phú Mỹ đã được vinh danh 8 lần kể từ lần đầu Forbes Việt Nam thực hiện bình chọn từ năm 2013 và một trong những đại diện tiêu biểu của ngành giữ vững vị trí trong Top50 công ty niêm yết tốt nhất.

Top50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2025 (Nhịp cầu đầu tư)

Trong tháng 11/2025, PVFCCo – Phú Mỹ tiếp tục được bình chọn vào “Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2025 - bảng xếp hạng nhằm ghi nhận và tôn vinh các doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả và có chiến lược phát triển bền vững. Các công ty được lựa chọn xếp hạng trong TOP 50 trên cơ sở đo lường kết quả kinh doanh liên tiếp trong 3 năm gần nhất dựa vào 3 chỉ số tăng trưởng: Doanh thu, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và mức tăng trưởng lợi nhuận trên cổ phiếu (EPS).

PVFCCo tiếp tục nhận danh hiệu “Doanh nghiệp vì cộng đồng”; Top100 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh (ESG100)

PVFCCo – Phú Mỹ tiếp tục khẳng định cam kết kiên định với chiến lược phát triển bền vững khi lần thứ 5 liên tiếp được vinh danh tại Chương trình Saigon Times CSR 2025.

Với chủ đề “Hướng đến một xã hội phát triển bền vững – Towards a Sustainability Society”, chương trình đề cao sự phát triển hài hòa giữa ba trụ cột: kinh tế, môi trường và xã hội, qua đó ghi nhận nỗ lực bền bỉ của PVFCCo – Phú Mỹ trong hành trình vì một tương lai xanh và thịnh vượng.

Mới đây, PVFCCo cũng được Netzero Solutions lựa chọn trong danh sách 100 doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025, khẳng định vị thế tiên phong trong phát triển bền vững của ngành phân bón, hóa chất.

Theo Netzero Solutions, bộ tiêu chí đánh giá 100 doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025 không chỉ kế thừa những nguyên tắc ESG phổ quát trên thế giới mà còn được điều chỉnh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Mục tiêu của Bảng danh sách ESG100 là thiết lập bộ chuẩn mực đánh giá toàn diện về ESG, giúp nhà đầu tư và đối tác dễ dàng nhận diện doanh nghiệp uy tín và bền vững, thúc đẩy minh bạch thông tin và tinh thần trách nhiệm xã hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tôn vinh những doanh nghiệp dẫn đầu trong chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

Nguồn: PVFCCo tổng hợp

Ban Biên Tập:

Ban lãnh đạo: Ông Nguyễn Xuân Hòa – Chủ tịch HĐQT; Ông Phan Công Thành – Tổng Giám đốc; Ông Võ Ngọc Phương – Phó Tổng Giám đốc

Ban Tổng hợp/Tổ IR: Ông Trương Thế Vinh; Ông Phạm Trần Kiên; Ông Phạm Chí Trung; Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

Ban Tài chính – Kế toán: Bà Lâm Thị Bích Ngọc, Bà Lê Thị Thúy Hằng, Bà Trần Xuân Thảo

Ban Kinh doanh: Bà Đỗ Ngọc Minh Hương, Bà Ngô Thanh Bình

Ban Kế hoạch & Đầu tư: Bà Phạm Thị Hà, Bà Nguyễn Thị Nhật

Ban Tiếp thị & Truyền thông: Bà Vũ Thị Thu Thủy